TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 -VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **54**/2025/QĐST-DS

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 70/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Mai Thị R**, sinh năm 1952

Căn cước công dân số: 083152000503, cấp ngày 01/4/2021.

Địa chỉ: Ấp 4, xã D, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* **Ông Bùi Chí T,** sinh năm 1960

Căn cước công dân số: 083060007469, cấp ngày 10/8/2021.

Địa chỉ: Ấp V, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn VĂn D, sinh năm 1953

Căn cước công dân số: 083053000335, cấp ngày 01/4/2021.

Địa chỉ: Ấp 4, xã D, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Nguyễn THị KIm L, sinh năm 1969

Căn cước công dân số: 083169008373, cấp ngày 10/8/2021.

Địa chỉ: Ấp V, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Bùi Thị KIm S, sinh năm 1957

Căn cước công dân số: 083157007699, cấp ngày 10/8/2021.

Địa chỉ: Ấp V, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà R, ông D: **Anh Trần Chí T,** sinh năm 1981. Căn cước công dân số: 083152000503, cấp ngày 09/8/2021. Địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh L, là đại diện theo ủy quyền của bà R, ông D. (Văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 3 năm 2023 và ngày 15 tháng 01 năm 2024).

Người đại diện hợp pháp của ông T, bà L: **Anh Ngô Đa** sinh năm 1974. Căn cước công dân số: 082074000299, cấp ngày 26/10/2018. Địa chỉ: Số 9 T phường T, thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo ủy quyền của ông T, bà L. (Văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 6 năm 2023).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Mai Thị R, ông Nguyễn VĂn D với ông Bùi Chí T, bà Nguyễn THị KIm L, bà Bùi Thị KIm S cùng thống nhất xác định đường ranh giữa thửa 88, tờ bản đồ số 6 xã Phú Long (nay là xã Thạnh Trị) của ông Bùi Chí T, bà Nguyễn THị KIm L, bà Bùi Thị KIm S với thửa 97, tờ bản đồ số 6 xã Phú Long (nay là xã Thạnh Trị) của bà Mai Thị R, ông Nguyễn VĂn D là đường ranh lấy theo hiện trạng thực tế sử dụng được thể hiện theo các điểm D, E, F, G, nên thửa 97-1, diện tích 117,7m^2 thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Bùi Chí T, bà Nguyễn THị KIm L và bà Bùi Thị KIm S. (Thực tế đã cặm ranh xong).

2.2. Ghi nhận sự việc thực tế thửa 97-1, diện tích 117,7m^2 do ông Bùi Chí T, bà Nguyễn THị KIm L, bà Bùi Thị KIm S đang trực tiếp quản lý sử dụng. Nên thửa 88, tờ bản đồ số 6 xã Phú Long (nay là xã Thạnh Trị) được thể hiện theo các điểm A, B, C, D, E, F, G, H, A gồm: Thửa 88, tờ bản đồ số 6 diện tích 1126,7m^2; thửa 97-1, tờ bản đồ số 6 diện tích 117,7m^2, có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp thửa 130, 104, tờ bản đồ số 6;

+ Phía Nam giáp thửa 89, tờ bản đồ số 6;

+ Phía Đông giáp phần còn lại thửa 97, tờ bản đồ số 6;

+ Phía Tây giáp đường Ao Vuông;

2.3. Thửa 97, tờ bản đồ số 6 xã Phú Long (nay là xã Thạnh Trị) được thể hiện theo các điểm D, P, O, N, M, L, K, J, I, G, F, E, D gồm: Thửa 97, tờ bản đồ số 6 diện tích 7651.4m^2, có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp thửa 104, tờ bản đồ số 6;

+ Phía Nam giáp thửa 95, tờ bản đồ số 6; thửa 18, 16, tờ bản đồ số 13;

+ Phía Đông giáp Kênh;

+ Phía Tây giáp phần còn lại thửa 97 (thửa 97-1), tờ bản đồ số 6 .

(Kèm theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất tại thửa 88, 97, tờ bản đồ số 6 xã Phú Long ngày 11/01/2022).

2.4. Các bên có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục yêu cầu cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho các bên đối với phần đất có diện tích và tứ cận nêu trên theo quy định của pháp luật.

2.5. Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập thủ tục cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho các bên đối với phần đất có diện tích và tứ cận nêu trên và chỉnh lý biến động theo quy định đối với:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 974193 cấp cho ông Bùi Chí T đứng tên sử dụng đất tại thửa 88, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã Phú Long (nay là xã Thạnh Trị), theo số vào sổ cấp GCN: CH01210 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại cấp ngày 02/8/2013;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 159037 cấp cho bà Mai Thị R đứng tên sử dụng đất tại thửa 97, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã Phú Long (nay là xã Thạnh Trị), theo số vào sổ cấp GCN: CH02227 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại cấp ngày 18/8/2014 khi các bên có yêu cầu.

2.6. Ông Bùi Chí T, bà Nguyễn THị KIm L, bà Bùi Thị KIm S có nghĩa vụ liên đới giao cho bà Mai Thị R, ông Nguyễn VĂn D số tiền 25.000.0000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Thực tế đã giao xong.

2.7. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

2.7.1. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Bà Mai Thị R, ông Nguyễn VĂn D phải liên đới chịu là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng bà R, ông D được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (do ông bà thuộc trường hợp người cao tuổi).

Ông Bùi Chí T, bà Nguyễn THị KIm L, bà Bùi Thị KIm S phải liên đới chịu là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng ông T, bà Sang được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (do ông bà thuộc trường hợp người cao tuổi). Nên bà Nguyễn THị KIm L phải có nghĩa vụ chịu là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

2.7.2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Bùi Chí T, bà Nguyễn THị KIm L, bà Bùi Thị KIm S phải liên đới chịu là 625.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) nhưng ông T, bà Sang được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (do ông bà thuộc trường hợp người cao tuổi). Nên bà Nguyễn THị KIm L phải có nghĩa vụ chịu là 625.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên